



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
CƠ SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN KINH DOANH BEDFORDSHIRE
Năm thứ 2 - Khóa K58BF - Năm học 2020 - 2021 (Đợt 1 ngày 09/09/2020)

| STT | CMND/ CCCD | Mã hồ sơ | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Tỉnh/Thành | Chứng chỉ Tiếng Anh/ Điểm thi TA đầu vào | Lớp tạm thời | Thời gian nhập học | |
|-----|---------------|-------------|---------------------|-------|------------------------|--------------|------------|---|-----------------|--------------------|-----------|
| | | | | | | | | | | Ngày | Giờ |
| 1 | 272682973 | 111 | Trần Thị Thùy | An | 24/04/2000 | Nữ | Đồng Nai | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 2 | 038302000008 | 172 | Nguyễn Lưu Hoài | An | 05/02/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 7.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 3 | 251234831 | 112 | Nguyễn Nguyễn Khánh | Ân | 02/03/2002 | Nữ | Lâm Đồng | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 4 | 079302030647 | 113 | Lê Nguyễn Minh | Anh | 04/07/2002 | Nữ | TP.HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 5 | 281274121 | 114 | Nguyễn Đỗ Hải | Anh | 21/04/2002 | Nam | Bình Dương | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 6 | 245395828 | 115 | Lý Trường | Anh | 09/12/2000 | Nam | Đắk Nông | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 7 | 072302000917 | 214 | Nguyễn Phan Yến | Anh | 12/12/2002 | Nữ | Tây Ninh | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 8 | 371978019 | 116 | Dương Khánh | Băng | 15/11/2002 | Nữ | Kiên Giang | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 9 | 184395712 | 174 | Hoàng Thị Thái | Bình | 28/12/2002 | Nữ | Hà Tĩnh | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 10 | 187819510 | 117 | Nguyễn Thị Thùy | Chi | 26/01/2000 | Nữ | Nghệ An | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 11 | 285581195 | 118 | Nguyễn Thị Kiều | Dung | 04/05/1999 | Nữ | Bình Phước | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 12 | 079302006020 | 119 | Trần Thuý | Dương | 03/02/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 8 giờ 30 |
| 13 | 261549348 | 120 | Phạm Duy | Duy | 28/11/2001 | Nam | Bình Thuận | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 14 | 221493377 | 181 | Dương Nguyễn Thảo | Duyên | 01/09/2002 | Nữ | Phú Yên | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 15 | 068301000176 | 121 | Trần Nguyên Nhật | Hạ | 01/12/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 16 | 079302010942 | 220 | Trần Nguyễn Gia | Hân | 11/08/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 17 | 079302023048 | 122 | Phạm Bạch Minh | Hoàng | 05/05/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 18 | 187756795 | 123 | Phạm Huy | Hoàng | 14/03/2000 | Nam | Nghệ An | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 19 | 272899888 | 124 | Trần Nguyễn Phi | Hùng | 05/07/2002 | Nam | Đồng Nai | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 20 | 079302001895 | 125 | Nguyễn Thanh | Hương | 26/06/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 21 | 231217707 | 126 | Trương Đỗ Quốc | Huy | 01/09/2000 | Nam | Gia Lai | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 22 | 001302020937 | 127 | Nguyễn Ngọc | Huyền | 04/06/2002 | Nữ | Hà Nội | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 23 | 331890999 | 128 | Hà Huỳnh Tuấn | Kha | 25/01/2002 | Nam | Vĩnh Long | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 24 | 272905945 | 129 | Lê Minh | Khánh | 16/12/2000 | Nam | Đồng Nai | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 9 giờ 30 |
| 25 | 079202017083 | 130 | Bùi Nguyên | Khánh | 09/07/2002 | Nam | TP. HCM | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 26 | 074302000030 | 131 | Trần Triệu Chúc | Khoa | 02/09/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 27 | 312525020 | 188 | Nguyễn Trương Đăng | Khoa | 20/08/2002 | Nam | Tiền Giang | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 28 | 079202011570 | 132 | Nguyễn Huy | Khôi | 22/06/2002 | Nam | TP. HCM | IELTS 7.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 29 | 079202027489 | 133 | Trương Phi | Kiệt | 20/05/2002 | Nam | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 30 | 072302005603 | 134 | Nguyễn Hoàng | Kim | 25/07/2002 | Nữ | Tây Ninh | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 31 | 079301023451 | 190 | Quách Hạ | Lâm | 15/08/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 32 | 079301002117 | 135 | Phạm Ngọc Phương | Linh | 31/01/2001 | Nữ | TP.HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |



Handwritten signature or mark in blue ink at the bottom right corner.

| STT | CMND/ CCCD | Mã hồ sơ | Họ và tên | | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Tỉnh/Thành | Chứng chỉ Tiếng Anh/ Điểm thi TA đầu vào | Lớp tạm thời | Thời gian nhập học | |
|-----|---------------|-------------|------------------|--------|------------------------|--------------|--------------------|---|-----------------|--------------------|-----------|
| | | | | | | | | | | Ngày | Giờ |
| 33 | 044099000186 | 136 | Phan Trọng | Linh | 13/07/1999 | Nam | TP.HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 34 | 272883473 | 137 | Lê Phương | Linh | 17/12/2002 | Nữ | Đồng Nai | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 35 | 079302000150 | 138 | Nguyễn Khánh | Linh | 01/04/2002 | Nữ | TP.HCM | IELTS 8.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 36 | 272966883 | 191 | Vũ Phương | Linh | 28/12/2001 | Nữ | Đồng Nai | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 10 giờ 30 |
| 37 | 079302016060 | 193 | Phan Nguyễn Ngọc | Mai | 17/09/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 38 | 264530687 | 194 | Hồ Gia | Mẫn | 17/07/2000 | Nữ | Ninh Thuận | IELTS 7.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 39 | 079302012573 | 139 | Phan Hồng | Ngân | 27/07/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 40 | 187756151 | 140 | Nguyễn Vũ Minh | Ngọc | 04/05/2000 | Nữ | Nghệ An | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 41 | 079202000848 | 141 | Đoàn Khôi | Nguyên | 20/04/2002 | Nam | TP.HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 42 | 187897514 | 142 | Nguyễn Đặng Vân | Nhi | 27/12/2002 | Nữ | Nghệ An | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 43 | 215545981 | 169 | Bùi Phan Ý | Nhi | 14/03/2002 | Nữ | Bình Định | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 44 | 273642594 | 143 | Nguyễn Lê Quỳnh | Như | 21/05/2000 | Nữ | Bà Rịa Vũng Tàu | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 45 | 079302031587 | 144 | Phạm Trang | Nhung | 18/03/2002 | Nữ | TP.HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 46 | 030202001240 | 173 | Lê Hoàng | Phúc | 18/04/2002 | Nam | TP. HCM | IELTS 8.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 47 | 001202011921 | 145 | Trần Anh | Quân | 01/02/2002 | Nam | TP.HCM | IELTS 6.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 48 | 261584568 | 146 | Trương Ngọc Trúc | Quỳnh | 13/09/2002 | Nữ | Bình Thuận | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 13 giờ 30 |
| 49 | 079202003502 | 147 | Lương Đình | Sỹ | 11/06/2002 | Nam | TP.HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 50 | 046302000024 | 148 | Trần Lý Thanh | Tâm | 30/01/2002 | Nữ | TP.HCM | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 51 | 030302000024 | 150 | Đào Minh | Tâm | 28/05/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 52 | 079302000264 | 151 | Đặng Hải Hoài | Thanh | 07/03/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 53 | 079301029398 | 152 | Nguyễn Thanh | Thào | 07/03/2001 | Nữ | TP.HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 54 | 312438165 | 153 | Phạm Gia | Thịnh | 19/07/2000 | Nam | Tiền Giang | IELTS 6.0 | K58BFB | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 55 | 079300015013 | 154 | Nguyễn Thái Minh | Thơ | 06/01/2000 | Nữ | TP.HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 56 | 251309041 | 155 | Lê Văn | Thuận | 15/03/2002 | Nam | Lâm Đồng | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 57 | 079301023008 | 156 | Trần Nguyễn Bích | Thy | 26/02/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 58 | 025897220 | 157 | Nguyễn Hồ Thế | Tiến | 22/04/1999 | Nam | TP.HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 59 | 079200014527 | 158 | Lưu Thành | Tiến | 11/06/2000 | Nam | TP.HCM | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 60 | 079202000141 | 159 | Trần Đắc | Toàn | 15/02/2002 | Nam | TP. HCM | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 14 giờ 30 |
| 61 | 221498627 | 160 | Phạm Trần Hồng | Trâm | 28/05/2002 | Nữ | Phú Yên | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 62 | 079302000208 | 208 | Vũ Thị Thanh | Trân | 10/04/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 63 | 272781294 | 161 | Hồ Thuý | Trang | 22/04/2000 | Nữ | Đồng Nai | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 64 | 051302000031 | 209 | Lê Vũ Diễm | Trang | 30/07/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 65 | 033301007100 | 162 | Trần Thị Lệ | Tri | 30/06/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFB | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 66 | 371928709 | 163 | Hồ Thanh | Trúc | 26/06/2002 | Nữ | Kiên Giang | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 67 | 272878336 | 164 | Trần Thanh | Tuyền | 26/11/2002 | Nữ | Đồng Nai | IELTS 7.0 | K58BFA | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 68 | 251241962 | 165 | Vũ Thị Phương | Uyên | 08/06/2002 | Nữ | Lâm Đồng | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |

nh

| STT | CMND/ CCCD | Mã hồ sơ | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Tỉnh/Thành | Chứng chỉ Tiếng Anh/ Điểm thi TA đầu vào | Lớp tạm thời | Thời gian nhập học | |
|-----|---------------|-------------|----------------------|------------------------|--------------|--------------------|---|-----------------|--------------------|-----------|
| | | | | | | | | | Ngày | Giờ |
| 69 | 079302027868 | 211 | Bùi Khánh Uyên | 09/02/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 70 | 031301002628 | 171 | Phạm Tú Uyên | 28/09/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.5 | K58BFA | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 71 | 079202013486 | 166 | Lê Nguyễn Hoàng Việt | 13/11/2002 | Nam | Bà Rịa Vũng Tàu | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 72 | 079301029490 | 167 | Trần Lê Thảo Vy | 06/02/2001 | Nữ | TP. HCM | IELTS 6.0 | K58BFB | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 73 | 301849778 | 213 | Nguyễn Lâm Lan Vy | 07/03/2002 | Nữ | Long An | IELTS 6.0 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |
| 74 | 079302013879 | 168 | Liêu Tiểu Yến | 19/06/2002 | Nữ | TP. HCM | IELTS 5.5 | K58BFC | 15/09/2020 | 15 giờ 30 |

(Danh sách trên gồm 74 thí sinh./.)



